

Bản án số: 09/2018/HS-ST
Ngày: 30-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

Thẩm phán: Ông Trần Văn Luông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quang Ân;
2. Ông Võ Đức Thành;
3. Bà Lê Thị Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Xuân Văn – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 82/2017/TLST-HS ngày 28/12/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXXST-HS ngày 16/3/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên bị cáo: **Trần Ngô Đức C**, sinh năm 1988, tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Số 62, ô 3, ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: C nhân; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hưng T, sinh năm 1966 và bà Lâm Thị S, sinh năm 1964; có vợ tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1989 và 01 người con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/6/2017 cho đến nay, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Ngô Đức C: Ông Phạm Thanh K – Luật sư của Văn phòng Luật sư Phạm Thanh K thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Bị hại: Trần Thị M, sinh năm 1989 (chết).

- Người đại diện hợp pháp cho bị hại Trần Thị M: Bà Tạ Thị H, sinh năm 1964; nơi cư trú: Ấp B, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương (mẹ của bị hại), có mặt. Ông Trần Văn B, sinh năm 1964 (cha của bị hại, đã chết năm 2008).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị H1, sinh năm 1989; nơi cư trú: Khu phố 2, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương, có đơn xin vắng mặt.

2. Ông Trần Ngô Đức H, sinh năm 1989; nơi cư trú: Số 62, ô 3, ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Trần Văn C, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 65, khu phố P, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Ngô Đức C có quan hệ yêu đương với bà Trần Thị M. Tháng 5 năm 2017, bà M muốn chấm dứt quan hệ yêu đương với C nhưng C không đồng ý.

Khoảng 06 giờ 00 phút ngày 06/6/2017, C đến phòng trọ của bà M tại phòng số 13, khu nhà trọ của ông Trần Văn C thuộc khu phố P, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương để chở bà M đến Bệnh viện Ung Bướu Thành phố Hồ Chí Minh khám bệnh. Khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày, C chở bà M về phòng trọ của bà M, C ở lại và ngủ cùng bà M trên tấm nệm được trải dưới nền của phòng trọ.

Khoảng 03 giờ 00 phút ngày 07/6/2017, C quay người sang ôm bà M, bà M không đồng ý và dùng tay đẩy C ra. Lúc này, C tiếp tục quay sang ôm bà M thì bà M vùng dậy và la lên nên C dùng tay phải kẹp cổ bà M đè xuống nệm và ngồi lên bụng, hai đầu gối quỳ hai bên hông của bà M rồi dùng hai tay bóp cổ không cho bà M kêu la. Khoảng 05 phút sau, khi thấy bà M nằm im và sùi bọt mép thì C buông tay ra. Khi biết bà M đã tắt thở, C vẫn nằm bên cạnh ôm bà M. Đến khoảng 04 giờ 30 phút cùng ngày, C lấy mền đắp lên người bà M và lấy xe mô tô hiệu Honda Lead biển số 61K1-070.51 của bà M đi về nhà. Do lúc này trời mưa nên C mở cốp xe lấy áo mưa thì thấy trong cốp xe có 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng, 01 điện thoại di động hiệu Viettel màu đen, 01 cái bóp bên trong có 01 hộp nhựa màu đỏ đựng 01 đôi bông tai bằng vàng và 02 thẻ **ATM Vietcombank**, giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe, giấy đăng ký xe, 01 thẻ siêu thị Aeon, 01 sổ khám bệnh tại Bệnh viện Ung Bướu Thành phố Hồ Chí Minh, tất cả giấy tờ trên đều mang tên Trần Thị M. C lấy áo mưa mặc, khóa cốp xe lại rồi đẩy xe và khóa cửa ngoài phòng trọ lại, C điều khiển xe mô tô đi về nơi ở của C tại nhà số 152, ấp 6, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương (nhà của ông Trần Mạnh H1, sinh năm 1969; ông H1 cho C ở nhờ để trông coi nhà và vườn).

Do C biết mật khẩu thẻ ATM của bà M nên vào các ngày 08 và 09/6/2017, C đến cây ATM của Ngân hàng Sacombank tại huyện B rút lấy số tiền 8.800.000 đồng (tám triệu tám trăm nghìn đồng) trong tài khoản của bà M và sử dụng số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) trả nợ cho bà Trần Thị H1;

số tiền 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng) còn lại và thẻ ATM được cất giữ trong bóp của C.

Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 09/6/2017, ông Trần Văn C, là chủ nhà trọ phát hiện có mùi hôi thối từ phòng số 13 bốc ra nên đã báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B đến kiểm tra thì phát hiện bà M chết trong phòng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B báo cáo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi.

Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 09/6/2017, C mua thuốc an thần ở tiệm thuốc tây và mua rượu về uống để tự tử nhưng C không chết, C lấy 01 sợi dây dù màu xanh cột lên thanh xà gỗ phía sau nhà để treo cổ nhưng do ngấm thuốc an thần gây buồn ngủ nên C nằm ngủ đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày khi C thức dậy chưa kịp treo cổ thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương bắt và khám xét khẩn cấp, thu giữ các tài sản và đồ vật gồm: 01 xe mô tô hiệu Honda Lead biển số 61K1-070.51; 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng; 01 điện thoại di động hiệu Viettel màu đen; 01 cái bóp bên trong có 01 hộp nhựa màu đỏ đựng 01 đôi bông tai bằng vàng và 01 thẻ ATM Vietcombank, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 giấy đăng ký xe, 01 thẻ siêu thị Aeon, 01 sổ khám bệnh tại Bệnh viện Ung Bướu Thành phố Hồ Chí Minh, tất cả đều mang tên Trần Thị M; 01 nón bảo hiểm màu trắng hiệu Hower; 01 nón bảo hiểm màu đỏ, trắng hiệu Honda; 01 đôi dép màu nâu hiệu Phước Bình Dương; 01 ổ khóa hiệu Việt - Tiệp màu vàng, trắng; 01 đoạn dây dù màu xanh; 01 điện thoại di động hiệu SamSung màu đen (số IMEI: 353609/05/583544/2); 01 điện thoại di động hiệu LG màu trắng (số IMEI A: 356274-06-378241-2); 01 điện thoại di động hiệu LG màu đen, bị vỡ màn hình (số IMEI A: 352270-06-568949-2); 01 chai nước hiệu Dasani; 02 vỏ vỉ thuốc hiệu MIMOSA (loại 10 viên/vỉ); 01 chùm chìa khóa gồm 03 chìa, gắn theo một hạt tròn khắc chữ “Ty - Hạt đậu Bình An” và một đồng xu; 02 sim điện thoại Viettel (không có số seri); 01 sim điện thoại Viettel (số seri: 8984 04066 70037 03503).

Riêng chiếc bóp của C khi tiến hành khám xét, Cơ quan điều tra không thu giữ được nhưng 02 ngày sau khi C bị bắt thì ông Trần Ngô Đức H (em ruột của C) đến dọn dẹp nhà nơi C đang ở thì thấy chiếc bóp này, bên trong có 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng), 01 thẻ ATM, một số giấy tờ tùy thân của C và hình ảnh của bà M. Ông H mang đốt 01 thẻ **ATM**, một số giấy tờ tùy thân của C và hình ảnh của bà M, ông H giữ lại 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra, bà Trần Thị H1 đã giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) và ông H giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng).

Bản Kết luận Giám định pháp y tử thi số 457/GDPY ngày 29/6/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Nguyên nhân chết của bà Trần Thị M là do tác động ngoại lực vào vùng cổ làm chèn ép, dập khí quản đoạn cổ dẫn đến ngạt hô hấp trên (bút lục 164).

Khám nghiệm hiện trường tại phòng trọ số 13 thu được 08 dấu vết đường vân theo Kết luận giám định số 403/GĐ-PC54 ngày 31/10/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương xác định: Trong 08 dấu vết đường vân thu được có 01 dấu trùng khớp với dấu vân chân bàn chân phải của C, 07 dấu còn lại không đủ đặc điểm để giám định (bút lục 218).

Kết luận định giá tài sản ngày 03/10/2017 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Bình Dương kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda Lead biển số 61K1-070.51 trị giá 29.460.000 đồng; 01 điện thoại Samsung nhãn hiệu Viettel model GT E1081T trị giá 216.000 đồng; 01 đôi bông tai bằng vàng trị giá 1.311.300 đồng; 01 điện thoại hiệu OPPO màu trắng model R8001 trị giá 3.063.000 đồng. Tổng giá trị 34.050.300 đồng (ba mươi bốn triệu không trăm năm mươi nghìn ba trăm đồng). Tất cả các tài sản này và số tiền 8.800.000 đồng (tám triệu tám trăm nghìn đồng) mà bà H1 và ông H đã giao nộp, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương đã trả lại cho bà Tạ Thị H là mẹ của bị hại M (bút lục 181, 199, 245).

Bà Tạ Thị H yêu cầu C bồi thường gồm: Chi phí mai táng 150.000.000 đồng; chi phí nhang, đèn, hoa quả 15.000.000 đồng; chi phí đi lại cho thầy tụng 30.000.000 đồng; tiền cấp dưỡng cho bà H là 135.000.000 đồng; tổn thất tinh thần 100.000.000 đồng với tổng số tiền là 430.000.000 đồng (bốn trăm ba mươi triệu đồng). C đồng ý bồi thường số tiền này cho bà H.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa: Kiểm sát viên, bị cáo Trần Ngô Đức C, người đại diện hợp pháp cho bị hại bà Tạ Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Ngô Đức H và bà Trần Thị H1 không có ý kiến về Kết luận giám định pháp y tử thi số 457/GĐPY ngày 29/6/2017 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Bình Dương, Kết luận giám định số 403/GĐ-PC54 ngày 31/10/2017 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Bình Dương, Kết luận định giá tài sản ngày 03/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Bình Dương.

Bản cáo trạng số 06/QĐ/KSĐT-P2 ngày 25/12/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trần Ngô Đức C về các tội "Giết người" và "Cướp tài sản" theo các điểm e, n khoản 1 Điều 93 và khoản 1 Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009. Tại phiên tòa, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm e, n khoản 1 Điều 93; khoản 1 Điều 133; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo Trần Ngô Đức C tù chung thân về tội "Giết người", 07 năm tù đến 09 năm tù về tội "Cướp tài sản". Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Trần Ngô Đức C phải chấp hành hình phạt chung là tù chung thân. Về trách nhiệm dân sự, ghi nhận sự thỏa thuận về việc bị cáo Trần Ngô Đức C phải bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại số tiền 430.000.000 đồng, bao gồm: Chi phí mai táng 150.000.000 đồng; chi phí nhang,

đền, hoa quả 15.000.000 đồng; chi phí đi lại cho thầy tụng 30.000.000 đồng; tiền cấp dưỡng cho bà H là 135.000.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần 100.000.000 đồng; được khấu trừ số tiền 100.000.000 đồng gia đình bị cáo C đã bồi thường cho gia đình bị hại, bị cáo C còn phải bồi thường cho bà H là đại diện bị hại số tiền 330.000.000 đồng. Về xử lý vật chứng, đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Ngô Đức C, Luật sư Phạm Thanh K trình bày nội dung bào chữa: Không có ý kiến đối với tội danh "Giết người" mà Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã truy tố đối với bị cáo C. Về tội danh "Cướp tài sản" mà Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã truy tố đối với bị cáo C là chưa phù hợp, bởi lẽ bị cáo C và bị hại sống chung như vợ chồng, cùng sử dụng chung tài sản nên không thể nói bị cáo đã cướp tài sản của bị hại; hành vi của bị cáo C không thỏa mãn yếu tố cấu thành của tội "Cướp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 mà thỏa mãn yếu tố cấu thành của tội "Công nhiên chiếm đoạt tài sản". Về trách nhiệm dân sự, bị cáo C đồng ý bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 430.000.000 đồng là nhiều hơn so với số tiền bị cáo C phải bồi thường cho gia đình bị hại theo quy định của pháp luật, thể hiện rõ bị cáo C rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt.

Người đại diện hợp pháp cho bị hại vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án buộc bị cáo C bồi thường thiệt hại số tiền 430.000.000 đồng, được khấu trừ 100.000.000 đồng gia đình bị cáo đã bồi thường, bị cáo C còn phải bồi thường thiệt hại số tiền 330.000.000 đồng; về trách nhiệm hình sự, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bà H1 không có ý kiến về số tiền 8.000.000 đồng đã giao nộp cho cơ quan điều tra và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Ngô Đức H không có ý kiến về số tiền 800.000 đồng đã giao nộp cho cơ quan điều tra và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì khác và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về phần trách nhiệm dân sự, bị cáo C và người đại diện hợp pháp của bị hại Trần Thị M là bà Tạ Thị H đồng ý, thống nhất về việc bị cáo phải bồi thường với tổng số tiền 430.000.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 100.000.000 đồng gia đình bị cáo đã bồi thường, bị cáo C còn phải bồi thường số tiền 330.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bình Dương, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Trần Ngô Đức C thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình (bút lục 38-43, 45, 160, 176, 219-220, 228, 229). Lời nhận tội của bị cáo C phù hợp với kết quả thực nghiệm điều tra, lời khai người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có cơ sở kết luận: Do mâu thuẫn nhỏ nhất trong quan hệ tình cảm nên khoảng 03 giờ 00 phút ngày 07/6/2017 tại phòng số 13, khu nhà trọ của ông Trần Văn C thuộc khu phố P, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương; bị cáo C có hành vi dùng hai tay bóp cổ bị hại Trần Thị M làm chèn ép, dập khí quản đoạn cổ làm ngạt hô hấp trên dẫn đến tử vong rồi chiếm đoạt tài sản của bị hại với tổng giá trị là 42.850.300 đồng (căn cứ vào Bản Kết luận giám định pháp y tử thi số 457/GDPY ngày 29/6/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương và Kết luận Định giá tài sản ngày 03/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Bình Dương). Theo quy định tại các điểm e, n khoản 1 Điều 93 thì "*Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình: ..e) Giết người mà liền trước đó hoặc ngay sau đó lại phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng;... n) Có tính chất côn đồ...*" và khoản 1 Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 thì "*Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm*". Như vậy, hành vi dùng hai tay bóp cổ bị hại M làm chèn ép, dập khí quản đoạn cổ làm ngạt hô hấp trên dẫn đến tử vong đã đủ yếu tố "Giết người". Bị cáo chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhất trong quan hệ tình cảm đã dùng hai tay bóp cổ bị hại M tử vong thể hiện bản tính côn đồ khi thực hiện tội phạm. Hơn nữa, sau khi bị hại M tử vong bị cáo C đã chiếm đoạt tài sản của bị hại M với tổng giá trị là 42.850.300 đồng. Hành vi trên của bị cáo C đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp tài sản"; bị cáo thực hiện hành vi giết bị hại M rồi chiếm đoạt tài sản của bị hại thể hiện việc bị cáo giết người mà ngay sau đó lại phạm một tội rất nghiêm trọng. Do đó, cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trần Ngô Đức C về tội "Giết người" với tình tiết "giết người mà ngay sau đó phạm một tội rất nghiêm trọng" và "có tính chất côn đồ" quy định tại điểm e, n khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và tội "Cướp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người,

đúng tội và đúng pháp luật. Bị cáo Trần Ngô Đức C hoàn toàn có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm nhiều khách thể, đặc biệt là tội “Giết người”; có yếu tố giết người mà liền trước đó hoặc ngay sau đó lại phạm một tội rất nghiêm trọng; hành vi của bị cáo có tính chất côn đồ. Hành vi phạm tội của bị cáo còn xâm phạm tài sản người khác một cách trái pháp luật cho thấy tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là mất hết nhân tính, xem thường pháp luật, đồng thời xâm phạm trật tự trị an tại địa phương, gây phẫn nộ trong quần chúng nhân dân, nhất là gây nổi mất mát đau thương cho gia đình bị hại.

Tính mạng sức khỏe của con người là vốn quý của xã hội, được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật đến sức khỏe, tính mạng con người đều phải bị trừng trị nghiêm minh, trường hợp phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, phải xử thật nghiêm nhằm có tác dụng giáo dục, phòng ngừa, răn đe chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại cho đại diện hợp pháp của bị hại (100.000.000 đồng). Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Đối với tình tiết ông Lâm Thanh S (em của mẹ bị cáo) được tặng Huân chương hữu nghị, ông Trịnh Văn S và ông Trịnh Văn S (là em của bà ngoại bị cáo) có bằng Tổ quốc ghi công không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Lời đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát đối với phần hình phạt và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là phù hợp nên được chấp nhận.

Đối với ý kiến của người bào chữa về việc đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hành vi của bị cáo chỉ có thể phạm tội "Công nhiên chiếm đoạt tài sản" chứ không phải tội "Cướp tài sản" như Viện kiểm sát đã truy tố. Xét thấy, lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo là không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, sau khi bị cáo giết bị hại xong, bị cáo đã chiếm đoạt các tài sản của bị hại, theo quy định của Bộ luật Hình sự về tội “Cướp tài sản” thì *“Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản ...”*. Do đó, Viện Kiểm sát truy tố bị cáo tội “Cướp tài sản” là phù hợp và đúng pháp luật. Riêng đối với các ý kiến khác là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo C dùng thẻ ATM của bị hại M rút số tiền 8.800.000 đồng. Sau đó, bị cáo trả tiền vay cho bà Trần Thị H1 số tiền

8.000.000 đồng, còn lại 800.000 đồng C để trong bóp của C (sau này ông H đã giao nộp cho cơ quan điều tra).

Xét thấy, bà H1 không biết số tiền C trả là do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương không đề cập xử lý trách nhiệm hình sự. Đồng thời, bà H1 đã giao nộp số tiền trên cho cơ quan điều tra và không yêu cầu C trả lại số tiền trên. Xét sự thỏa thuận trên là tự nguyện, phù hợp với nguyên tắc quyết định và tự định đoạt, phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

Tại phiên tòa, bị cáo C đồng ý với yêu cầu bồi thường của người đại diện hợp pháp cho bị hại M là bà Tạ Thị H với tổng số tiền 430.000.000 đồng (bốn trăm ba mươi triệu đồng) bao gồm: Chi phí mai táng 150.000.000 đồng; chi phí nhang, đèn, hoa quả 15.000.000 đồng; chi phí đi lại cho thầy tụng 30.000.000 đồng; tiền cấp dưỡng cho bà H là 135.000.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần 100.000.000 đồng. Đây là ý chí tự nguyện của bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại, phù hợp với nguyên tắc quyết định và tự định đoạt, phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về xử lý vật chứng:

Các tài sản bị cáo C chiếm đoạt của bị hại gồm: 01 xe mô tô hiệu Honda Lead biển số 61K1-070.51; 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng; 01 điện thoại di động hiệu Viettel màu đen; 01 cái bóp bên trong có 01 hộp nhựa màu đỏ đựng 01 đôi bông tai bằng vàng và 01 thẻ ATM Vietcombank, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 giấy đăng ký xe, 01 thẻ siêu thị Aeon, 01 sổ khám bệnh tại Bệnh viện Ung Bướu Thành phố Hồ Chí Minh, tất cả đều mang tên Trần Thị M và số tiền 8.800.000 đồng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương đã trả lại cho bà Tạ Thị H là mẹ của bị hại M (bút lục 181, 245) nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Cơ quan Công an đã thu giữ: 01 nón bảo hiểm màu trắng hiệu Hower; 01 nón bảo hiểm màu đỏ, trắng hiệu Honda; 01 đôi dép màu nâu hiệu Phước Bình Dương; 01 ổ khóa hiệu Việt - Tiệp màu vàng, trắng; 01 đoạn dây dù màu xanh; 01 chai nước hiệu Dasani; 02 vỏ vỉ thuốc hiệu MIMOSA (loại 10 viên/vỉ); 01 chùm chìa khóa gồm 03 chìa, gắn theo một hạt tròn khắc chữ “Ty - Hạt đậu Bình An” và một đồng xu; 02 sim điện thoại Viettel (không có số seri); 01 sim điện thoại Viettel (số seri: 8984 04066 70037 03503). Căn cứ vào Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Xét thấy, các vật chứng trên không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Cần tạm giữ 01 điện thoại di động hiệu SamSung màu đen (số IMEI: 353609/05/583544/2); 01 điện thoại di động hiệu LG màu trắng (số IMEI A: 356274-06-378241-2); 01 điện thoại di động hiệu LG màu đen, bị vỡ màn hình (số IMEI A: 352270-06-568949-2) của bị cáo Trần Ngô Đức C để đảm bảo thi hành án.

[5] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo C phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo C có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho người đại diện hợp pháp của bị hại nên phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ vào điểm e, n khoản 1 Điều 93; khoản 1 Điều 133; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm c khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 39 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Trần Ngô Đức C phạm tội "Giết người" và "Cướp tài sản".

Xử phạt bị cáo Trần Ngô Đức C tù chung thân về tội "Giết người" và 07 (bảy) năm tù về tội "Cướp tài sản". Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Trần Ngô Đức C phải chấp hành hình phạt chung là tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 09/6/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các Điều 584, 585, 586, 591 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Trần Ngô Đức C phải bồi thường thiệt hại do xâm phạm tính mạng cho gia đình bị hại Trần Thị M do bà Tạ Thị H là người đại diện hợp pháp với tổng số tiền 430.000.000 đồng (bốn trăm ba mươi triệu đồng), bao gồm: Chi phí mai táng 150.000.000 đồng; chi phí nhang, đèn, hoa quả 15.000.000 đồng; chi phí đi lại cho thầy tụng 30.000.000 đồng; tiền cấp dưỡng cho bà Tạ Thị H là 135.000.000 đồng và tiền tổn thất tinh thần 100.000.000 đồng; được khấu trừ số tiền 100.000.000 đồng gia đình bị cáo đã bồi thường cho đại diện bị hại, bị cáo còn phải bồi thường cho bà Tạ Thị H số tiền còn lại là 330.000.000 đồng (ba trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả thêm lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tạm giữ 01 (một) điện thoại di động hiệu SamSung màu đen (số IMEI: 353609/05/583544/2); 01 (một) điện thoại di động hiệu LG màu trắng (số IMEI: 356274-06-378241-2); 01 (một) điện thoại di động hiệu LG màu đen,

bị vỡ màn hình (số IMEI A: 352270-06-568949-2) của bị cáo Trần Ngô Đức C để đảm bảo thi hành án.

Tiêu hủy 01 (một) nón bảo hiểm màu trắng hiệu Hower; 01 (một) nón bảo hiểm màu đỏ, trắng hiệu Honda; 01 (một) đôi dép màu nâu hiệu Phước Bình Dương; 01 (một) ổ khóa hiệu Việt - Tiệp màu vàng, trắng; 01 (một) đoạn dây dù màu xanh; 01 (một) chai nước hiệu Dasani; 02 (hai) vỏ vỉ thuốc hiệu MIMOSA (loại 10 viên/vỉ); 01 (một) chùm chìa khóa gồm 03 chìa, gắn theo một hạt tròn khắc chữ “Ty - Hạt đậu Bình An” và một đồng xu; 02 (hai) sim điện thoại Viettel (không có số seri); 01 (một) sim điện thoại Viettel (số seri: 8984 04066 70037 03503).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/12/2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương).

4. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

4.1. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Ngô Đức C phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

4.2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Ngô Đức C phải nộp 16.500.000 đồng (mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, đại diện bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Dương;
- CQCSĐT Công an tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo; người bào chữa;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu: HS; Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Huỳnh Đức

